

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ BÌNH MINH
TỈNH VĨNH LONG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 18/2018/HNGĐ-ST

Ngày: 24-5-2018

V/v Ly hôn

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ BÌNH MINH, TỈNH VĨNH LONG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Quốc Huy

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Hoàng Thị Kim Tuyết

2. Bà Nguyễn Thị Kim Loan

- Thư ký phiên tòa: Bà Dương Thị Ngọc Diệp – Thư ký Tòa án,
Tòa án nhân dân thị xã Bình Minh

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thị xã Bình Minh tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Tuấn Khanh – Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 5 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Bình Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 12/2018/TLST-HNGĐ ngày 15 tháng 01 năm 2018 về “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 19/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 07 tháng 5 năm 2018 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Bùi Thị Ngọc T, sinh năm: 1968

Địa chỉ: Tổ 05, khóm 5, phường P, thị xã M, tỉnh Vĩnh Long, có mặt.

- Bị đơn: Ông Bùi Công T, sinh năm: 1960

Địa chỉ: Tổ 05, khóm 5, phường P, thị xã M, tỉnh Vĩnh Long, có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 08 tháng 01 năm 2018 và quá trình giải quyết vụ án, Nguyên đơn Bùi Thị Ngọc T trình bày:

Bà và ông Bùi Công T qua mai mối tiến tới hôn nhân năm 1988, có tổ chức lễ cưới theo phong tục. Năm 1997, bà và ông T đã ly hôn được Tòa án ra quyết định giải quyết. Sau đó đăng ký kết hôn lại tại Ủy ban nhân dân thị trấn V năm 2004. Từ khi kết hôn lại đến nay giữa bà và ông T sống không hạnh phúc, thường xuyên bất đồng quan điểm sống, vợ chồng thường cự cãi về tiền bạc. Ông T cũng hay kiếm chuyện chửi bới, ghen tuông vô cớ, ông T nghi ngờ bà có quan hệ với người đàn ông khác trong khi bà không có. Vợ chồng đã nhiều lần khuyên bảo nhau để hàn gắn tình cảm nhưng không được. Bà và ông T đã sống ly thân từ tháng 01/2018 đến nay. Bà nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà xin được ly hôn với ông T.

Về con chung: Bà và ông T có hai con chung tên Bùi Thị Mộng D, sinh năm 1990 và Bùi Thị Tài N, sinh năm 1993. Do hai con đã trưởng thành nên bà không yêu cầu Tòa án giải quyết việc nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại Tờ tường trình ngày 06 tháng 3 năm 2018 và quá trình giải quyết vụ án, Bị đơn Bùi Công T trình bày:

Về hôn nhân ông và bà T kết hôn năm 1988, năm 1997 ly hôn sau đó năm 2004 có đăng ký kết hôn lại tại Ủy ban nhân dân thị trấn V. Theo ông đời sống vợ chồng xảy ra cự cãi là chuyện đương nhiên, về tiền bạc do bà T không rõ ràng nên vợ chồng xảy ra cự cãi, ngoài ra không có xảy ra mâu thuẫn gì nghiêm trọng. Ông không có chửi bới bà T nhưng từ việc tiền bạc không rõ ràng nên mới dẫn đến việc ông có nhiều suy nghĩ. Bà T có quan hệ với người đàn ông khác tên T và lấy tiền, vàng của gia đình nhưng ông vẫn tha thứ. Ông vẫn còn tình cảm với bà T, bên cạnh đó các con ông cũng không muốn cha mẹ ly hôn. Bà T tự ý bỏ nhà đi từ tháng 01/2018 đến nay. Ông nhận thấy vợ chồng vẫn chưa xảy ra mâu thuẫn trầm trọng, đồng thời mong muốn vợ chồng hàn gắn nên ông không đồng ý ly hôn theo yêu cầu của bà T.

Về con chung: Ông và bà T chỉ có hai người con là Mộng D, sinh năm 1990 và Tài N, sinh năm 1993. Cả hai con đã trưởng thành nên ông không yêu cầu Tòa án giải quyết việc nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Do ông yêu cầu đoàn tụ vợ chồng nên không yêu cầu Tòa án giải quyết tài sản chung, nợ chung. Trường hợp buộc phải ly hôn thì ông sẽ yêu cầu về tài sản chung.

Tại phiên tòa sơ thẩm:

- Nguyên đơn Bùi Thị Ngọc T vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, về hôn nhân yêu cầu được ly hôn với ông Bùi Công T; về con chung cả hai con đã trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án giải quyết việc nuôi con và cấp dưỡng cho con; về tài sản chung, nợ chung không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Bị đơn Bùi Công T không đồng ý ly hôn vì còn tình cảm với bà T và không muốn mất danh dự gia đình; về con chung cả hai đã trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án giải quyết việc nuôi con và cấp dưỡng cho con; về tài sản chung, nợ chung do ông yêu cầu được đoàn tụ nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Kiểm sát viên Viện Kiểm sát nhân dân thị xã Bình Minh trình bày ý kiến:

+ Về tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án từ khi thụ lý đến khi đưa vụ án ra xét xử và tại phiên tòa, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký và các đương sự đã thực hiện đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

+ Về nội dung:

Về hôn nhân: Giữa bà T và ông T là hôn nhân thực tế được pháp luật công nhận. Do bà T và ông T bất đồng về quan điểm sống, thường xuyên xảy ra cự cãi về vấn đề tiền bạc kinh tế trong gia đình, ông T nghi ngờ bà T có mối quan hệ bất chính với người đàn ông khác nên có lời lẽ xúc phạm gây tổn thương cho bà T về tình cảm, bà T và ông T đã sống ly thân từ tháng 6/2017 đến nay hai bên không còn thực hiện nghĩa vụ của vợ, chồng từ đó tình trạng hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc, đời sống chung không thể kéo dài. Tòa án đã động viên hòa giải đoàn tụ nhưng bà T vẫn kiên quyết xin

ly hôn với ông T nên căn cứ Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 chấp nhận yêu cầu của bà T được ly hôn với ông T.

Về con chung: Bà T và ông T có 02 con chung là chị Bùi Thị Tài N và chị Bùi Thị Ngọc D đã trưởng thành nên không xem xét giải quyết.

Về tài sản chung và nợ chung: Bà T không yêu cầu giải quyết nên không xem xét, giải quyết.

Áp dụng Điều 19, Điều 21, Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016 UBTVQH14.

Chấp nhận yêu cầu của bà Bùi Thị Ngọc T được ly hôn với ông Bùi Công T.

Về án phí: Buộc bà Bùi Thị Ngọc T nộp 300.000 đồng án phí hôn nhân sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Bà Bùi Thị Ngọc T và ông Bùi Công T qua mai mối tiến tới hôn nhân vào năm 1988, đến năm 1997 bà T và ông T ly hôn sau đó đăng ký kết hôn lại theo Giấy chứng nhận kết hôn số: 236, quyển số 04 ngày 03/12/2004 tại Ủy ban nhân dân thị trấn V nên đây là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống, theo lời trình bày của bà T từ khi kết hôn lại đến nay vợ chồng sống không hạnh phúc, thường xuyên bất đồng quan điểm sống, hay cự cãi nhau về chuyện tiền bạc, đồng thời ông T ghen tuông bà có quan hệ với người đàn ông khác. Theo ông T, do bà T không rõ ràng về tiền bạc nên xảy ra cự cãi. Ông cho rằng bà T có quan hệ tình cảm với người đàn ông tên T, chứng cứ thể hiện là những hình ảnh nhật ký cuộc gọi của bà T có số điện thoại của ông T với mức độ thường xuyên. Tuy nhiên, những chứng cứ này không thể hiện được giữa bà T và ông T có quan hệ tình cảm trong khi bà T không thừa nhận. Từ đó thể hiện không có sự tin tưởng lẫn nhau giữa vợ chồng trong chuyện tiền bạc và tình cảm. Tại Biên bản đối chất ngày 20/4/2018 (BL 38 – 39) ông T cũng cho rằng tình trạng hôn nhân

giữa ông và bà T cũng nghiêm trọng nhưng ông không đồng ý ly hôn vì danh dự của gia đình. Như vậy, việc ông T mong muốn đoàn tụ không xuất phát từ tình nghĩa vợ chồng mà vì danh dự gia đình là không có căn cứ pháp luật. Bà T và ông T đã ly thân từ tháng 01/2018 đến nay, cả hai không còn thực hiện nghĩa vụ của vợ chồng theo quy định tại Điều 19 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 dẫn đến tình trạng hôn nhân trầm trọng, mục đích hôn nhân không còn đạt được nên Hội đồng xét xử chấp nhận cho bà T được ly hôn với ông T.

[2] Về con chung: Giữa bà T và ông T có 02 con chung tên Bùi Thị Mộng D, sinh năm 1990 và Bùi Thị Tài N, sinh năm 1993. Do cả hai đã trên 18 tuổi, bà T và ông T không yêu cầu Tòa án giải quyết việc nuôi con và cấp dưỡng cho con nên Hội đồng xét xử không đặt ra giải quyết.

[3] Về tài sản chung, nợ chung: Bà T và ông T không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra giải quyết. Bà T và ông T được quyền khởi kiện một vụ kiện khác về chia tài sản chung và nợ chung khi có yêu cầu.

[4] Về án phí: Buộc bà T phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 19, 21, 53, 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Bùi Thị Ngọc T.

Về quan hệ hôn nhân: Bà Bùi Thị Ngọc T được ly hôn với ông Bùi Công T.

Về con chung: Không đặt ra giải quyết việc nuôi con và cấp dưỡng cho con.

Về tài sản chung, nợ chung: Bà Bùi Thị Ngọc T và ông Bùi Công T không yêu cầu nên không đặt ra giải quyết. Bà Bùi Thị Ngọc T và ông Bùi Công T được quyền khởi kiện một vụ kiện khác về chia tài sản chung và nợ chung khi có yêu cầu.

Về án phí: Buộc bà Bùi Thị Ngọc T phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm. Trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo Biên lai thu tạm ứng án phí số 008960 ngày 15/01/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Bình Minh, bà T đã nộp xong.

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Các đương sự được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án./

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Vĩnh Long: 01
- VKSND TX.Bình Minh: 01
- Chi cục THADS TX.Bình Minh: 01
- Ủy ban nhân dân phường Thành Phước: 01
- Đương sự: 02
- Lưu: 04

Trần Quốc Huy